

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 460/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1984; thường trú: Ấp 3, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Đức T, tổ 1, khu phố M, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1985; thường trú: Ấp 2, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Đức T, tổ 1, khu phố M, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2018; bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn D đơn trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn D và bà Võ Thị Kim S tự nguyện tìm hiểu nhau được 01 năm thì tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 22/02/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Đồng Tháp. Sau đó, vợ chồng ông D chuyển đến phường , thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình

Dương sinh sống cho đến nay. Ông D làm nghề buôn bán dép thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, từ đầu năm 2015 đến nay thì vợ chồng ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, chi tiêu tiền trong hoạt động kinh doanh, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện vợ chồng ông D đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay và không còn quan tâm lẫn nhau. Ông D nhận thấy hạnh phúc giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Kim S.

+ *Về con chung*: Ông D và bà S có 01 con chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/9/2008. Khi ly hôn ông D đồng ý nếu con chung tên Lê Kim T có nguyện vọng ở với bà S thì bà Võ Thị Kim S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Kim T. Ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/01/2018 bà Võ Thị Kim S và trong quá trình giải quyết vụ án, bà S trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà S thống nhất với lời trình bày của ông D về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Bà S với ông D có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau được 08 năm thì tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Đồng Tháp. Sau đó, vợ chồng bà D chuyển đến phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Bà D làm nghề buôn bán quần áo thu nhập 5.000.000 đồng/tháng. Từ khi cưới cho đến cuối năm 2015 vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2016 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do ông D có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà Son đã khuyên ông D về đoàn tụ với gia đình nhưng ông D vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện vợ chồng bà S đã ly thân khoảng tháng 6/2018 đến nay và không còn quan tâm lẫn nhau. Hiện bà Son còn tình cảm với ông D nên ông D yêu cầu ly hôn thì bà S không đồng ý.

+ *Về con chung*: Bà S và ông D có 01 con chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/9/2008. Trường hợp Tòa án cho bà Son với ông D ly hôn thì bà Son yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Kim T, ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Văn D được ly hôn với bà Võ Thị Kim S.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/9/2008 cho bà Võ Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Thùy đủ 18 tuổi đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông D.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Kim S chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 22/02/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông D cho rằng từ đầu năm 2015 đến nay thì vợ chồng ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, chi tiêu tiền trong hoạt động kinh doanh, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau; bà S cũng thừa nhận từ đầu năm 2016 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do ông D có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông D và bà S đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Ông D và bà S đều thừa nhận hiện ông D với bà S đã ly thân và không còn quan tâm lẫn nhau. Tuy nhiên, bà S không đồng ý ly hôn với ông D vì bà S vẫn còn tình cảm với ông D.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà S cho rằng còn tình cảm với ông D nhưng bà S lại không có biện pháp để hàn gắn vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông D và bà S có 01 con chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/9/2008. Khi ly hôn ông D và bà S đều thống nhất nếu con chung tên Lê

Kim T có nguyện vọng ở với bà Son thì bà Võ Thị Kim S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Kim T. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/9/2008 cho bà Võ Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi nên ghi nhận sự tự nguyện của ông D.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Võ Thị Kim S.

2. Ông Lê Văn D được ly hôn với bà Võ Thị Kim S.

3. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Kim T, sinh ngày 14/9/2008.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Ông Lê Văn D và Võ Thị Kim S đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn D phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/001461 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Lê Văn D phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- THADS (01);
- UBND xã T,
huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền